

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn của nam nữ chung
sống với nhau như vợ chồng mà không
đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lư Thị Ngọc T, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ tạm trú: tổ 18, đường D20B, xã A, thị trấn T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Thạch Dũng T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lư Thị Ngọc T trình bày: Vào năm 1995, do quen biết và qua thời gian tìm hiểu nên bà và ông Thạch Dũng T1 có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau được gia đình đôi bên tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến khi sinh người con thứ hai vào năm 1999 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T1 không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên rượu chè, sau đó được gia đình hai bên giải quyết vợ chồng toàn tụ lại, được một thời gian thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đỉnh điểm là vào năm 2018, quan hệ vợ chồng vì thế cũng trở nên căng thẳng trầm trọng hơn, đến ngày 04/4/2018 bà bỏ lên Bình Dương tìm việc làm và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, nhận thấy tình cảm không còn nên bà Lư Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Thạch Dũng T1. Về con chung: tên Thạch Khánh D, sinh năm 1996 và Thạch Thị Minh T, sinh ngày 01/01/1999 đã thành niên và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: nợ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh – Phòng giao dịch huyện Trà Cú số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng và nợ lãi là 1.836.283 đồng, tổng cộng là 26.836.283 đồng, hiện nay đã trả xong vào ngày 20/6/2022 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai vào ngày 09/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thạch Dũng T1 trình bày: về thời gian sống chung, thời gian sống ly thân, con chung, nợ chung ông thống nhất với phần trình bày của bà T. Về hôn nhân ông T1 thống nhất theo yêu cầu của bà T là không công nhận ông và bà T là vợ chồng vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung tên Thạch Khánh D, sinh năm 1996 và Thạch Thị Minh T, sinh ngày 01/01/1999 đã thành niên và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung trong quá trình chung sống cũng có tài sản chung, do bà T đã tự nguyện trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trà Cú nên ông không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung: nợ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh – Phòng giao dịch huyện Trà Cú số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng và nợ lãi là 1.836.283 đồng, tổng cộng là 26.836.283 đồng, hiện nay bà T đã trả xong vào ngày 20/6/2022 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị bà Lư Thị Ngọc T và bị đơn ông Thạch Dũng T1 tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: bà Lư Thị Ngọc T và ông Thạch Dũng T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến khi sinh người con thứ hai vào năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T1 không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên rượu chè, sau đó được gia đình hai bên giải quyết vợ chồng toàn tụ lại, được một thời gian thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đỉnh điểm là vào năm 2018, quan hệ vợ chồng vì thế cũng trở nên căng thẳng trầm trọng hơn, đến ngày 04/4/2018 bà T bỏ lên Bình Dương tìm việc làm và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong suốt quá trình tố tụng, bà Lư Thị Ngọc T cương quyết ly hôn, do hôn nhân đã đến mức trầm trọng, còn ông Thạch Dũng T1 cũng xác định tình cảm không còn nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Về con chung tên Thạch Khánh D, sinh năm 1996 và Thạch Thị Minh T, sinh ngày 01/01/1999 đã thành niên và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung do bà T đã tự nguyện trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trà Cú nên ông T1 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung: nợ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh – Phòng giao dịch huyện Trà Cú số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng và nợ lãi là 1.836.283 đồng, tổng cộng là 26.836.283 đồng, hiện nay bà T đã trả xong vào ngày 20/6/2022 nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lư Thị Ngọc T.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự: Nguyên đơn bà Lư Thị Ngọc T và bị đơn ông Thạch Dũng T1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T1 quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Lư Thị Ngọc T và ông Thạch Dũng T1 đều thống nhất xác lập quan hệ vợ chồng tự nguyện vào năm 1995. Như vậy, giữa bà T với ông T1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng đến nay giữa bà T với ông T1 không có đăng ký kết hôn. Tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không*

đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Quá trình giải quyết ông T1 và bà T thuận tình ly hôn, nhưng do bà T với ông T1 sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về con chung: tên Thạch Khánh D, sinh năm 1996 và Thạch Thị Minh T, sinh ngày 01/01/1999, đã thành niên và có gia đình riêng nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có tranh chấp và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: nợ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh – Phòng giao dịch huyện Trà Cú số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng và nợ lãi là 1.836.283 đồng, tổng cộng là 26.836.283 đồng, hiện nay đã trả xong vào ngày 20/6/2022 và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 9, 14, 15, 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên bố:

1. Không công nhận bà Lư Thị Ngọc T với ông Thạch Dũng T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: tên Thạch Khánh D, sinh năm 1996 và Thạch Thị Minh T, sinh ngày 01/01/1999, đã thành niên và có gia đình riêng, ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có tranh chấp và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Đã trả xong và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Lư Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009829 ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, ông Thạch Dũng T1 không phải chịu án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã A, huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc